

DÙNG LÝ THUYẾT TIẾP CẬN NĂNG LỰC ĐỂ TÌM HIỂU KẾT TINH TRUYỀN THỐNG NHÂN VĂN CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM QUA NỘI DUNG TƯ TƯỞNG TRIẾT LÝ VÀ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CỦA TRUYỆN KIỀU

Trần Thị Thanh Huyền*

Trường Đại học Khánh Hòa

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 03/11/2023

Ngày phản biện: 05/11/2023

Ngày duyệt đăng: 14/03/2024

* Tác giả chính:

tranthithanhhhuyen@ukh.edu.vn

Title:

Using competence approach theory to understand the crystallization of the humanistic tradition of vietnamese literature through the content of philosophical thought and social ideology of the story of kieu

Từ khóa:

phát triển năng lực, phương pháp dạy học, triết lý, nhân văn

Keywords: :

capacity development, teaching methods, philosophy, humanities

TÓM TẮT: Dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học được xem là một bước đổi mới căn bản của chương trình Giáo dục. Đó cũng là xu thế chung của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới nhằm thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo nhân lực của trường đại học và yêu cầu của thị trường lao động. Bài viết sử dụng lý thuyết tiếp cận năng lực để giảng dạy một nội dung cụ thể trong học phần Nguyễn Trãi và Nguyễn Du trong tiến trình văn học Việt Nam cho sinh viên Ngữ văn ở bậc Đại học.

ABSTRACT: Teaching in the direction of developing learners' abilities and qualities is considered a fundamental innovation of the Education program. That is also the general trend of advanced education systems in the world to narrow the gap between university human resource training and labor market requirements. The article uses the competency approach theory to teach a specific content in the Nguyen Trai and Nguyen Du modules in the Vietnamese literature process for Literature students at the university level.

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Do tốc độ phát triển của xã hội với những biến đổi liên tục và sự tăng khối lượng tri thức một cách nhanh chóng, phương pháp tiếp cận nội dung trong giáo dục dần trở nên lạc hậu. Để chuẩn bị cho thế hệ trẻ đối mặt và đứng vững trước những thách thức của đời sống, giáo dục chuyển sang cách tiếp cận năng lực

(còn gọi là định hướng kết quả đầu ra), và đây đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế. Giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học là xu thế chung của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới nhằm thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo nhân lực của trường đại học và yêu cầu của thị trường lao động.

Đối với giáo dục đại học Việt Nam, phát triển năng lực người học được xem là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Những yêu cầu cấp bách về chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế – xã hội đòi hỏi giáo dục đại học Việt Nam cần nhanh chóng thoát khỏi mô hình giáo dục truyền thống, chuyển sang mô hình giáo dục theo định hướng tiếp cận năng lực người học, chuyển từ việc trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học, giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống.

Trong tiến trình phát triển của lịch sử văn học Việt Nam, chủ nghĩa nhân văn có những bước phát triển vượt bậc, khẳng định được nhiều giá trị đặc sắc, đặc biệt là giai đoạn từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX – mười thế kỉ của nền văn học trung đại tồn tại và phát triển trong xã hội phong kiến.

Để có thể phát huy tính tích cực chủ động của người học, chú trọng rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp, gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn thì tất cả các học phần, trong đó có học phần *Nguyễn Trãi và Nguyễn Du trong tiến trình văn học Việt Nam* cần được tiếp cận theo phương pháp hiện đại hơn. Trong bài viết này, chúng tôi đề xuất phương pháp giảng dạy một số vấn đề về nội dung tư tưởng của Truyện Kiều theo lí thuyết tiếp cận năng lực người học.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Dạy học tiếp cận năng lực

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nêu rõ: Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng

thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định [1].

Đối với người học, năng lực là khả năng làm chủ và vận dụng hợp lý các kiến thức, kinh nghiệm, thái độ một cách có hứng thú để hành động một cách có hiệu quả trong các tình huống đa dạng của cuộc sống. Bao gồm:

Khả năng tái hiện tri thức, thông hiểu tri thức, kỹ năng học, khả năng hành động, ứng dụng, kỹ năng học được để giải quyết những vấn đề của cuộc sống đang đặt ra với bản thân.

Năng lực được hình thành phát triển trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trong và ở ngoài lớp học. Nhà trường là môi trường giáo dục chính thống giúp người học hình thành những năng lực chung, năng lực chuyên biệt phù hợp với lứa tuổi. Những môi trường khác như gia đình, cộng đồng,... cùng góp phần bổ sung và hoàn thiện các năng lực của người học.

Dạy học theo hướng phát triển năng lực tập trung vào việc phát triển tối đa khả năng của người học. Trong đó, năng lực là tổng hòa của 3 yếu tố: Kiến thức, kỹ năng, thái độ. Qua đó, việc thiết kế hoạt động dạy và học có sự đan xen, liên quan,... nhằm mục đích giúp người học chứng minh khả năng học tập thực sự của mình. Từ đây, người học có thể phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động và tinh thần tự học để không ngừng nâng cao năng lực học tập. Như vậy, so với dạy học tiếp cận nội dung thì dạy học tiếp cận năng lực có những sự thay đổi to lớn trong việc thúc đẩy người học chủ động tiếp cận tri thức và phát huy tối đa tài năng và trí tuệ đồng thời tạo ra sự kết nối tự nhiên giữa người dạy và người học.

Dạy học theo quan điểm tiếp cận năng lực không chỉ chú ý đến tính tích cực hóa hoạt động trí tuệ của người học mà còn hướng tới rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với các tình huống thực tế trong đời sống. Xu hướng dạy học này nhấn mạnh vào năng lực vận dụng tri thức của người học vào thực tiễn; giúp người học chủ động trong học tập và

phát huy tối đa khả năng tự học, tự mở rộng kiến thức, kỹ năng của mình để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mặt khác, sự tương tác giữa người dạy và người học có ý nghĩa to lớn trong việc hướng tới mục tiêu giáo dục mà Unesco hướng tới: học để chung sống.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu để làm sáng tỏ vấn đề, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp phân tích tổng hợp được chúng tôi tiếp cận các vấn đề lý thuyết về dạy học tiếp cận năng lực, tổng hợp và phân tích những vấn đề liên quan đến tác giả Nguyễn Du và Truyện Kiều để làm cơ sở cho việc định hình thiết kế hoạt động và hình dung các phương pháp dạy học.

Phương pháp thi pháp học được sử dụng trong quá trình triển khai các luận điểm cụ thể nhằm đưa ra các giải pháp tiếp cận tác phẩm để làm nổi bật vấn đề cần kiến giải cho người học.

Phương pháp liên ngành được sử dụng trong sự kết hợp giữa kiến thức lý luận văn học, kiến thức phương pháp học và thi pháp học để định hướng thiết kế các bước dạy học.

3. Kết quả và thảo luận

Nội dung tìm hiểu những kết tinh truyền thống nhân văn của văn học Việt Nam qua tư tưởng triết lý và tư tưởng xã hội của Truyện Kiều nếu dạy theo phương pháp truyền thống (tiếp cận nội dung), GV sẽ rơi vào mê hồn trận của những biến kiến thức. Bởi lẽ, cùng với sự chuyển biến của bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội thì đời sống về mặt văn hóa – tư tưởng của Việt Nam cũng có những biến chuyển quan trọng, nảy sinh ra những thành tựu rực rỡ về mặt tư tưởng, trong đó nổi bật nhất là tư tưởng nhân văn trong văn học Việt Nam. Theo quá trình phát triển của văn học trung đại Việt Nam qua bốn giai đoạn đã ghi lại quá trình biến chuyển của chủ nghĩa nhân văn, cụ thể là văn học thế kỉ X – XIV, văn học thế kỉ XV – XVII, văn học thế kỉ XVIII

– nửa đầu thế kỉ XIX và văn học nửa cuối thế kỉ XIX. Với thời lượng giảng dạy trên lớp có hạn, người GV khó có truyền tải hết khối lượng kiến thức đồ sộ này. Vì vậy, chúng tôi đề xuất phương pháp thiết kế hoạt động dạy học nội dung này như sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu của bài học căn cứ vào chuẩn kiến thức (KT), kỹ năng (KN) và yêu cầu về thái độ trong chương trình. Bước này được đặt ra bởi việc xác định mục tiêu của bài học là một khâu rất quan trọng, đóng vai trò thứ nhất, không thể thiếu của mỗi giờ dạy học. Mục tiêu (yêu cầu) vừa là cái đích hướng tới, vừa là yêu cầu cần đạt của giờ học; hay nói khác đi đó là thước đo kết quả quá trình dạy học. Nó giúp GV xác định rõ các nhiệm vụ sẽ phải làm (dẫn dắt SV tìm hiểu, vận dụng những kiến thức, kỹ năng nào; phạm vi, mức độ đến đâu; qua đó giáo dục cho SV những bài học gì).

Ở bước này GV xác định mục tiêu là tìm hiểu về những kết tinh truyền thống nhân văn của văn học Việt Nam qua nội dung tư tưởng triết lý và tư tưởng xã hội của Truyện Kiều. Trong mục tiêu lớn này có các mục tiêu bộ phận:

- *Mục tiêu xác định kết tinh truyền thống nhân văn của văn học Việt Nam qua nội dung tư tưởng triết lý của Truyện Kiều trong tư tưởng Nho giáo:* Thể hiện khá rõ trong việc lí giải số phận của nhân vật chính – Thúy Kiều bằng thuyết thiên mệnh. Nguyễn Du cho rằng mọi khổ đau tủ nhục của Kiều đều do trời định. Nhà thơ đã nhiều lần nói đến trời, đến thiên mệnh như các nhà kinh điển của nho gia. Trong Truyện Kiều tư tưởng thiên mệnh ấy được tác giả thể hiện dưới dạng "tài mệnh tương đố", "hồng nhan bạc mệnh".

- *Mục tiêu xác định kết tinh truyền thống nhân văn của văn học Việt Nam qua nội dung tư tưởng triết lý của Truyện Kiều trong tư tưởng Phật giáo:* Thể hiện qua thuyết nhân quả và nghiệp báo của đạo Phật mà giải thích số phận của nhân vật. Sở dĩ Thúy Kiều có số phận mong manh như thế vì nàng có cái

ngiệp tiềm ẩn bên trong, cái nghiệp tiềm ẩn từ kiếp trước.

- *Mục tiêu xác định kết tinh truyền thống nhân văn của văn học Việt Nam qua nội dung tư tưởng triết lý của Truyện Kiều trong tư tưởng Đạo giáo:* Biểu hiện tiêu biểu nhất thể hiện tư tưởng Đạo giáo trong tác phẩm này chính là quan niệm về tướng số bên cạnh thuyết Thiên mệnh trong Nho giáo. Quan niệm ấy được thể hiện trong việc xây dựng dáng vóc, nhân dạng của các nhân vật. Quan niệm này có sự gần gũi với quan niệm dân gian là nhìn mặt mà bắt hình dong.

- *Mục tiêu xác định kết tinh truyền thống nhân văn của văn học Việt Nam qua nội dung tư tưởng về xã hội trong Truyện Kiều:* Ở nội dung này, GV hướng dẫn SV tìm hiểu các vấn đề liên quan đến giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo và tư tưởng của tác giả trong Truyện Kiều.

Bước 2: Yêu cầu SV nghiên cứu giáo trình và các tài liệu liên quan để hiểu chính xác, đầy đủ những nội dung của bài học; xác định những kiến thức, kỹ năng, thái độ cơ bản cần hình thành và phát triển ở SV; xác định trình tự logic của bài học.

Ở bước này GV yêu cầu SV tìm hiểu những thông tin liên quan qua các tài liệu như: *Nguyễn Du - Về tác giả tác phẩm, Văn học Việt Nam (Thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII), Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX, Văn học trung đại Việt Nam...* để tổng hợp kiến thức về tư tưởng triết lý và tư tưởng xã hội của Truyện Kiều.

Bước 3: GV chia nhóm SV và yêu cầu các nhóm trình bày kiến thức mà nhóm mình tìm hiểu được về vấn đề tư tưởng triết lý và tư tưởng xã hội của Truyện Kiều. Sau khi trình bày, các nhóm khác có thể phản biện, trao đổi, đưa ra các ý kiến khác để tranh luận nhằm làm sáng rõ vấn đề. Cụ thể GV có thể tiến hành như sau:

Nhóm 1: Yêu cầu trình bày và giải thích về tư tưởng “Tài mệnh tương đố”, “*Hồng nhan bạc phận*” của Nho giáo.

Sau khi SV trao đổi, GV có thể đưa ra ý kiến tham khảo, gợi ý: Tài là tài năng, là những phẩm chất hay năng lực của một người mới sinh ra đã có hay trau dồi mà có. Tài có thể là tài hoa, tài tử cũng có thể là tài trí dũng, tài mưu lược. Cho nên, tài gồm cả trí tuệ và kỹ năng. Mệnh có nguồn gốc Nho giáo. Nho giáo cho rằng, mỗi người sinh ra đều có mạng số, cái phúc phần mà trời ban gọi là thiên mệnh. Đó là ý trời, là sự công bằng một cách kì dị của Hóa Công, Hóa Nhi, của “cỗ máy vũ trụ”, của “*Hồng quân*”, làm cho cuộc đời của một người trở nên tốt, xấu, xa hoa hay nghèo khó... tất cả đều đã được định sẵn trong quỹ đạo hoạt động của tự nhiên, không thể thay đổi... Như vậy, mệnh có thể là phần phúc cũng có thể là bất hạnh. Tử Hạ nói: “*Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên*”, chết sống do số mệnh, giàu sang do trời.

Tài mệnh tương đố nghĩa là chúng không tồn tại đồng thời trong mỗi con người, giữa tài và mệnh có sự chống đối nhau. Tài đa thì mệnh bạc, tài càng nhiều thì cái phúc phần càng ít. Càng có tài bao nhiêu thì số mạng càng ngang trái bấy nhiêu. Người càng có tài thì càng đau khổ. Những người có tài mà nhiều người thấy được thì sẽ bị ganh ghét. Sắc và tài là hai cái mà khi phát tiết ra ngoài nhiều quá thì sẽ làm cho người mang nó đau khổ:

Anh hoa phát tiết ra ngoài,

Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.

Hồng nhan là những người phụ nữ đẹp, được trời ban cho sắc đẹp cực kì diễm lệ, một tâm hồn mãi tiếp tài hoa thu hút mọi người. Bạc mệnh là chết non, chết sớm, phận mỏng, lao đao nhiều trắc trở. Người xưa quan niệm về đẹp của người phụ nữ vượt quá về đẹp của tự nhiên, tức là vượt qua định mức cao nhất là trời thì vận mệnh long đong nhiều cay đắng, khổ sở. Hồng nhan họa thủy, hồng nhan với nét đẹp khuynh nước khuynh thành, gây diên đảo các bậc anh hùng, vương tôn quý tộc

gây nước mất nhà tan, trở thành tội nhân của đất trời cũng không ít nhưng cũng không thoát khỏi cái vòng luân quần, không thoát khỏi định mệnh đã an bài [2].

Nhóm 2: Yêu cầu trình bày và bình luận về tư tưởng “Tài mệnh tương đố”, “Hồng nhan bạc phận” của Nho giáo trong Truyện Kiều thông qua nhân vật Thúy Kiều.

Sau khi SV trao đổi, GV có thể đưa ra ý kiến tham khảo, gợi ý: Trong Truyện Kiều, tư tưởng chủ yếu của Nguyễn Du là tài mệnh tương đố, tư tưởng ấy là nòng cốt tinh thần cho toàn truyện. Nguyễn Du hơn một lần nói về bất hạnh của người “tài tình chi lắm cho trời đất ghen”

“Rằng hồng nhan tự thuở xưa.

Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu”.

Rồi:

“Phận sao bạc chẳng vừa thôi

Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan”.

Tác giả đã nhận thức nỗi khổ của Thúy Kiều với một ý nghĩa siêu hình, bản chất số phận của nàng là mâu thuẫn giữa tài và mệnh. “Tài mệnh tương đố” là niềm tin của tác giả. Những lực lượng tàn phá cái hay, cái đẹp đều được nhà văn khái quát thành số mệnh, bởi theo quan niệm của tác giả thì: “*Lạ gì bỉ sắc tư phong/ Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*”

Kiều được miêu tả như một người đẹp toàn diện. Sắc đẹp ấy, tài năng ấy đã dự báo một cuộc đời đầy sóng gió bởi: “*rằng hồng nhan tự thuở nào/ cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu*”. Hay ẩn trong “tài” chính là “họa”: “*chữ tài liền với chữ tai một vần*”

Nhìn chung, Nguyễn Du cất nghĩa nỗi đau khổ của Thúy Kiều hay nỗi đau khổ của cuộc đời nói chung thông qua nàng Kiều là do mâu thuẫn giữa tài và mệnh. Tư tưởng ấy dường như bao trùm từ đầu đến cuối tác phẩm và được tác giả khái quát ở phần cuối tác phẩm:

“Ngẫm hay muôn sự tại trời

Trời kia đã bắt làm người có thân

Bắt phong trần phải phong trần

Cho thanh cao được mới phần thanh cao

Có đâu thiên vị người nào”

Tuy nhiên, những nội dung tư tưởng triết lý đó đã được Nguyễn Du vận dụng và chất lọc theo tín ngưỡng, quan niệm gần gũi, phổ biến của nhân dân ta đã có từ nền văn hóa dân gian.

Nhóm 3: Yêu cầu trình bày về những triết lý về chữ tài, chữ tâm mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm.

Sau khi SV trao đổi, GV có thể đưa ra ý kiến tham khảo, gợi ý: Tư tưởng là yếu tố nội tại của tác phẩm, nó phải được thể hiện bằng chính các phương thức biểu đạt nội tại của tác phẩm. Tác phẩm văn học được viết bằng ngôn từ, sử dụng từ ngữ để biểu hiện những nhận xét, khái quát, tạo thành những nốt nhấn gây ấn tượng trong tâm trí bạn đọc. Những từ ngữ lặp lại có quy luật, đặt ở vị trí then chốt, có tác dụng như những chìa khoá giúp người đọc nhanh chóng tìm thấy cảm hứng chủ đạo của tác giả. Nhưng từ ngữ không biểu hiện riêng lẻ, mà kết hợp với hệ thống nhân vật, với các chi tiết đặc trưng mới có sức mạnh thể hiện chủ đề.

Chữ *Tài* hiện diện khá nổi bật trong *Truyện Kiều*, bởi cô Kiều có tài và có sắc cô mới được yêu và chuốc lấy bao nhiêu tai vạ, “*Chữ tài liền với chữ tai một vần*”. Nhưng tài chưa phải là lí do chủ yếu của truyện.

Chữ *Tâm*, cũng tức là cái tình, tấm lòng của nhân vật chính. Chính chữ *Tâm* làm cho Kiều phải nể lòng, nhận lời và đến với Kim Trọng; chữ *Tâm* làm cho nàng than khóc Đạm Tiên; chữ *Tâm* thúc giục nàng bán mình chuộc cha, cậy em thay lời trả nghĩa Kim Trọng; chữ *Tâm* khiến nàng tự sát, khiến nàng nhắm mắt chạy theo Sở Khanh với hi vọng mong manh thoát khỏi nhà chứa; chữ *Tâm* khiến nàng cam phận làm lẽ, khuyên Thúc Sinh về nhà, khiến nàng chọn Từ Hải, báo ân báo oán, tha bổng Hoạn Thư, khuyên Từ Hải hàng để rồi chết theo Từ Hải; cuối cùng giữ tình cầm cờ với chàng Kim Trọng.

Chữ Tâm rõ ràng đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong cốt truyện, thúc đẩy sự kiện phát triển. *Truyện Kiều* có thể nói là truyện được tạo ra chủ yếu để thử thách cái Tâm con người. Và thực sự đó là tiểu thuyết về chữ Tâm: “*Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài*” [3; Tr. 137-151].

Toàn bộ sáng tạo của Nguyễn Du chủ yếu là làm cho chữ Tâm của nhân vật chính được bộc lộ trọn vẹn và sâu sắc: các mâu thuẫn nội tâm được đào sâu và đẩy tới cao độ, các hoạt động nội tâm được khắc hoạ, các đoạn tả tình cảnh cô đơn, mong nhớ, các đoạn tả cảnh được khai thác triệt để, các cảnh chia li được tả thống thiết đã tạo thành một tiểu thuyết tâm lí sâu sắc.

Ngoài ra GV còn hướng dẫn SV tìm hiểu thêm về chữ *Thân*, chữ *Phận* trong *Truyện Kiều* để SV hiểu một cách sâu sắc hơn về tư tưởng triết lí của tác giả.

Nhóm 4: *Yêu cầu trình bày về kết tinh truyền thống nhân văn của văn học Việt Nam qua nội dung tư tưởng về xã hội của Truyện Kiều*

Sau khi SV trao đổi, GV có thể đưa ra ý kiến tham khảo, gợi ý: Nguyễn Du đã tiếp nối truyền thống “*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*” của dân tộc, biết đau khổ trước thân phận và thực tại, biết ê chề, bế bång vì sự nhor nhóp, biết thương lấy chính mình và biết khát khao tình yêu, hạnh phúc, khát khao giữ gìn nhân phẩm. Thông qua bi kịch của Thúy Kiều, tác giả đã khái quát nên số phận con người trong xã hội phong kiến mà bi thiết nhất vẫn là thân phận người phụ nữ, đồng thời bênh vực, ủng hộ và cất lên tiếng nói quyết liệt đòi quyền sống cho họ, thể hiện tình yêu thương bao la đối với con người. Tình yêu thương đó không đứng trên lập trường của tầng lớp phong kiến thống trị, không hề có sự ban ơn và nó cũng không đơn thuần là tiếng thở dài, mặc nhiên cam chịu của triết lí nhà Phật. Đại thi hào dân tộc đã nhận thấy nhiều oan trái trong xã hội phong kiến hà khắc, bất

công và tỏ thái độ lên án gay gắt những thế lực chà đạp lên cuộc sống của con người. Nguyễn Du không phải là người đầu tiên và duy nhất tố cáo xã hội, tuy nhiên tác phẩm của ông đã phản ánh một cách chân thực và sâu sắc nhất nỗi thống khổ của thời đại. Thông qua *Truyện Kiều*, Nguyễn Du còn thể hiện niềm thương cảm sâu sắc trước những đau khổ của con người và trân trọng, đề cao con người từ vẻ đẹp hình thức, phẩm chất đến những ước mơ, những khát vọng chân chính.

Bước 4: Sau khi các nhóm đã trao đổi, thảo luận, GV đã bổ sung hoặc đề xuất các phương án giải quyết mới thì GV yêu cầu SV viết thu hoạch về những kết tinh truyền thống nhân văn của văn học Việt Nam qua nội dung tư tưởng triết lí và tư tưởng xã hội của *Truyện Kiều*.

4. Kết luận

Sự thành công của một giờ dạy theo định hướng tiếp cận năng lực người học phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong đó quan trọng nhất là sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo của cả người dạy và cả người học. Những phần trình bày trên đây chỉ là những kinh nghiệm được đúc kết từ thực tiễn dạy và học một chuyên đề cụ thể. Tuy nhiên, dù dạy theo phương pháp nào, người GV dạy văn cũng cần đảm bảo đặc thù bộ môn để đem lại những giờ học có hiệu quả, bổ ích và hứng thú đối với cả người dạy, người học.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương (2000), *Văn học Việt Nam (Thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Đăng Na, Lã Nhâm Thìn, Đinh Thị Khang (2005), *Văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm.